NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA NHÀ NƯỚC, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Trước đây, khi nói tới trách nhiệm pháp lý, người ta thường chú trọng đến trách nhiệm pháp lý của các đối tượng quản lý là các cá nhân, công dân, các tổ chức hơn so với trách nhiệm pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước. Ngày nay, khi nói tới việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thì việc xây dựng chế độ cũng như việc đề cao trách nhiệm pháp lý cho các chủ thể này được đặt ra như một nhu cầu bức thiết và khẳng định vai trò cũng như trách nhiệm từ phía Nhà nước đối với xã hội và mỗi công dân. Tuy nhiên, việc xây dựng chế độ trách nhiệm pháp lý và truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể này không hề đơn giản và có rất nhiều nhân tố có thể tác động, ảnh hưởng tới chúng. Bản thân những hoạt động này cũng có quan hệ khá mật thiết với nhau và cũng trở thành nhân tố ảnh hưởng đến nhau.

Khi nói tới trách nhiệm pháp lý của Nhà nước, cơ quan, công chức, viên chức nhà nước, trước hết, phải thấy được tính chất đặc biệt của nó. Là những người thi hành công vụ Nhà nước giao, các chủ thể kể trên được nhân danh quyền lực của Nhà nước, được Nhà nước giao cho họ chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Khi đó, họ là những người có quyền ra các mệnh lệnh cũng như các quyết định có ảnh hưởng lớn tối các đối tượng chịu sự tác động của họ. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của Nhà nước, sự tín nhiệm của nhân dân đối với chính họ và đối với Nhà nước. Chính vì những ảnh hưởng lớn như vậy nên những sai sót có thể xảy ra trong quá trình tác nghiệp thường để lại hậu quả rất lớn. Để tránh hoặc để khắc phục những hậu quả đáng tiếc đó, pháp luật đã có những quy định khác nhau về chế độ trách nhiệm pháp lý đối với đối tượng là cơ quan, công chức, viên chức nhà nước gắn với thẩm quyền của họ.

Trách nhiệm pháp lý của cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước (bao gồm cả cán bộ, công chức và viên chức nhà nước) được xem xét ở hai khía cạnh. Thứ nhất, đó là thẩm quyền, trách nhiệm hay các nghĩa vụ mà pháp luật đặt ra cho họ khi thi hành công vụ và thứ hai, là việc phải gánh chịu một hậu quả pháp lý bất lợi từ việc làm trái hoặc không làm những việc thuộc trách nhiệm của họ theo

TTBD DBDC

nghĩa thứ nhất. Nếu chỉ xác định trách nhiệm pháp lý khi truy cứu thì phạm vi xem xét được xác định theo nghĩa thứ hai. Tuy nhiên, khi quy định cũng như truy cứu trách nhiệm pháp lý thì phải luôn gắn với nghĩa thứ nhất vì tính tương thích giữa chúng. Mỗi chế độ trách nhiệm pháp lý ở từng nhà nước lại có những sự khác biệt nhất định. Điều đó có nhiều nguyên nhân khác nhau và ở mỗi giai đoạn lịch sử lại có mức độ ảnh hưởng khác nhau. Đó chính là các nhân tố đã ảnh hưởng đến việc quy định của pháp luật và tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên nhà làm luật. Vì vậy, sự quy định về chế độ trách nhiệm pháp lý cũng như hoạt động truy cứu trách nhiệm pháp lý chính xác có ý nghĩa rất quan trong đối với việc bảo vệ các đối tượng của quyền lực nhà nước nên việc xác định đúng các yếu tố ảnh hưởng đến các quy định này là cần thiết.

Như vậy, có thể thấy rằng việc quy định về trách nhiệm pháp lý cho các chủ thể là Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức là hết sức cần thiết. Việc quy định này nhằm bảo đảm cho sự vận hành nói chung của bộ máy nhà nước chính xác, bảo vệ cho uy tín Nhà nước, gắn trách nhiệm với thẩm quyền của các chủ thể thực thi quyền lực nhà nước, đồng thời, cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ các đối tượng của quyền lực nhà nước.

Sự ảnh hưởng của nhân tố này thể hiện ở hai khía cạnh tích cực và tiêu cực.. Pháp luật vừa có mục đích duy trì trật tự xã hội, mục đích giáo dục, vừa có cả mục đích điều chỉnh hoặc định hướng cho các quan hệ xã hội diễn ra theo một xu hướng nhất định, ở phương diện này, trách nhiệm pháp lý còn là sự thể hiện bản chất của một nhà nước hay trình độ pháp luật. Trách nhiệm pháp lý là công cụ phục vụ trực tiếp và có hiệu quả nhất cho việc thực hiện chính sách cai trị của một nhà nước. Xét ở khía cạnh này, các quan điểm sử dụng pháp luật theo các trường phái khác nhau sẽ hình thành nên hệ thống các biện pháp trách nhiệm pháp lý khác nhau và mang theo một hệ quả là việc sử dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý sẽ khác nhau. Các quan điểm này liên quan đến mục đích của nhà cầm quyền, phương thức sử dụng quyền lực (cách thức áp đặt ý chí của giai cấp thống trị cho xã hội) và nó cũng liên quan trực tiếp lên nhận thức của nhà làm luật về yếu tố tâm lý - ý thức của đối tượng bị điều chỉnh - yếu tố có nhiều biến động theo từng chủ thể bị điều chỉnh và theo từng giai đoạn trưởng thành của con người cũng như sự thay đổi môi trường và điều kiện sống. Đây là yếu tố có tính thụ động khi chịu sự tác động của các quy định của pháp luật

TTBD DBDC

trong đó có các biện pháp trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, nó lại vô cùng phức tạp bởi đây là yếu tố có tính chất biến động theo thời gian và sự trưởng thành của cá nhân mỗi con người, đồng thời, nó cũng có sự ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống, của phong tục tập quán. Đây là yếu tố chịu sự tác động trực tiếp của yếu tố thứ nhất kể trên. Mức độ ảnh hưởng của yếu tố thứ nhất rất có chiều sâu và có hệ quả rất lâu dài, vì ảnh hưởng của nó có tính chất lây truyền qua nhiều thế hệ liên quan đến lối sống, phong tục, tập quán sinh hoạt của một cộng đồng, một dân tộc, thậm chí, cả một khu vực hay một nền văn hoá. Điều này được thấy khá rõ ở tâm lý - ý thức của người phương Đông và người phương Tây với hai phương cách ứng xử duy tình và duy lý. Thực tế, trong lịch sử, có nhiều trường phái pháp luật khác nhau và ảnh hưởng đến các nhà cầm quyền trong việc sử dụng pháp luật. Chẳng hạn, ở Trung Quốc thời kỳ cổ - Trung đại, hai trường phái pháp luật lớn là nhân trị và pháp trị tạo ra hai khuynh hướng sử dụng pháp luật khác nhau. Như trên đã nói, thái độ cũng như mục đích của nhà làm luật sẽ tạo ra sự sợ hãi pháp luật do nguy cơ của việc bị áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý khắc nghiệt theo quan điểm của phái pháp trị hay ngược lại sẽ tạo ra sự cưỡng chế tự thân theo quan điểm tự thân, giáo hóa của phái nhân trị. Đại biểu cho phái nhân trị là Khổng Tử cho rằng, pháp luật chỉ là thứ yếu, nhà cầm quyền phải tự tu thân giáo hóa, làm gương sáng cho thiên hạ để thu phục nhân tâm để trị vì thiên hạ. Vì vậy, người bề trên hay những bậc quân tử là kẻ cầm quyền thì phải dùng lễ để trị dân nên phải là người có tư cách. Đối với hạng người này thì không dùng hình pháp. Điều đó biểu hiện ở một tục ngữ khá quen thuộc "lễ không tới hạng thứ dân, hình không đến bậc trượng phu". Điều này có nghĩa là, hình phạt thì không áp dụng cho những người cầm quyền. Như vậy, tư tưởng này đã ảnh hưởng đến nhận thức của nhà làm luật khi quy định về chế độ trách nhiệm đối với công chức. Ngược lại, quan điểm của phái pháp trị thì pháp luật loại trừ bất kì ai. Khi đã dùng pháp luật thì mọi người là bình đẳng. Từ quan điểm này, nhiều nhà cầm quyền đã ban hành ra một hệ thống pháp luật rất chặt chẽ với những quy định về hình phạt rất nghiêm khắc và không loại trừ ai, dù họ là người có chức quyền. Như vậy, việc có quy định trách nhiệm pháp lý và áp dụng nó trên thực tế hay không chịu ảnh hưởng rất lớn từ tư tưởng, nhận thức của các thế lực cầm quyền. Trong khi đó, ở nhiều nhà nước phong kiến, việc áp dụng hình phạt hay chế độ trách nhiệm pháp lý có tính đến nhân thân của người bị áp dụng, trong đó, tùy theo quan phẩm hay chức tước mà

TTBD ĐBDC

người vi phạm pháp luật có thể được miễn hoặc giảm hình phạt. Điều này liên quan đến quan niệm của người phương Đông với tư tưởng "trung quân" nên nhà cầm quyền khi đặt ra hay áp dụng chế độ trách nhiệm pháp lý đối với thuộc hạ của mình cũng có sự nương nhẹ đáng kể.

Thứ hai, trong xã hội hiện đại, việc đặt ra chế độ trách nhiệm pháp lý và việc áp dụng nó có những sự thay đổi đáng kể khi không dùng hình phạt như trước kia. Có thể thấy một quan điểm rất hay, đáng được tham khảo cho việc xác định trách nhiệm pháp lý trong xã hội hiện đại của một nhà cầm quyền rất thành công là ông Lý Quang Diệu - nguyên Thủ tướng Singapore - là làm sao cho quan chức không thể tham nhũng, không dám tham nhũng, không thèm tham nhũng. Điều này thể hiện về sự chặt chẽ, sự nghiêm khắc trong việc xác định các chế độ trách nhiệm pháp lý đối với công chức khi ban hành pháp luật. Nó có giá trị hiện thực rất cao trong việc làm trong sạch đội ngũ công chức trong bộ máy nhà nước. Nhận thức của nhà làm luật và đồng thời cũng là nhà cầm quyền về pháp luật nói chung và trách nhiệm pháp lý nói riêng đã ảnh hưởng một cách sâu sắc đến đời sống của công chức và bộ máy nhà nước.

Ở Việt Nam hiện nay, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc nhận thức của nhà làm luật về trách nhiệm pháp lý có những thay đổi đáng kể và cũng có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong Nhà nước pháp quyền nói chung và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng, quan hệ giữa Nhà nước và xã hội là quan hệ có tính chất bình đẳng, về quyền và nghĩa vụ giữa Nhà nước và nhân dân. Nhân dân tổ chức ra Nhà nước, đóng thuế nuôi bộ máy nhà nước và ngược lại, Nhà nước bảo vệ nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Điều chỉnh và bảo vệ là những hoạt động chuyên môn của nhà quản lý nên hoạt động của .bộ máy nhà nước phải dựa vào kinh phí hoạt động được huy động trong khu vực dân cư và dịch vụ sản xuất và ngược lại, bộ máy nhà nước phải thực thi quyền lực mà nhân dân trao cho nên phải quay lại xem xét và tự xác định trách nhiệm của mình trước nhân dân để phục vụ nhân dân.

Có thể thấy nhận thức của cơ quan lập pháp có ảnh hưởng trực tiếp và cũng là nhiều nhất trong việc quy định các biện pháp trách nhiệm pháp lý đối với các cơ quan nhà nước, công chức và viên chức nhà nước, đặc biệt là đối với công chức Tòa án cấp tỉnh xét xử. Hay những quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hoặc điều tra vụ án... cũng xác định rất khác nhau cho những chủ thể khác

TTBD DBDC

nhau do cả tính chất phức tạp cũng như tính chất đặc thù của mỗi loại vụ việc. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với cơ quan, công chức, viên chức nhà nước có chính xác hay không phụ thuộc trực tiếp vào các chủ thể có thẩm quyền tiến hành. Đây là lý do tại sao pháp luật không chỉ quy định trình tự giải quyết các vụ việc một cách chặt chẽ mà còn đặt ra những quy định nghiêm ngặt về tiêu chuẩn của những chủ thể này. Về nguyên tắc, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công chức, viên chức nhà nước khi thực hiện công vụ thì "chỉ được làm và phải làm những gì được pháp luật quy định" để ràng buộc trách nhiệm, tránh lộng quyền, lạm quyền đồng thời họ buộc phải biết giới hạn của quyền lực mà Nhà nước đã giao.

Nguồn gốc của quyền lực nhà nước được xác định theo những quan điểm khác nhau. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, phong kiến, quyền lực nhà nước được giải thích có nguồn gốc từ Chúa trời hay Thượng đế nên vai trò của các tổ chức giáo hội là vô cùng lớn. Điều này ảnh hưởng đến hệ thống chính sách của Nhà nước, trong đó, có chính sách pháp luật về hình phạt. Trong xã hội Trung cổ ở châu Âu, thậm chí, hình phạt còn do các thế lực tôn giáo đặt ra hoặc kiểm soát thông qua hệ thống tòa án giáo hội thiên chúa. Người ta có quyền đặt ra những quy định để tự xác định hành vi nào là hành vi tà đạo, hành vi nào là báng bổ Chúa... để áp dụng những hình phạt tương ứng, trong đó, có thể kể đến các hoạt động bắt cóc, xét xử kín hay thủ tiêu các "tội đồ" mà không quan tâm đến Nhà nước có thái độ ra sao, qua đó, công khai quyền lực của giáo hội trước bàn dân thiên hạ. Đây là sự ảnh hưởng tiêu cực đến mức tồi tệ hay đến mức mà lịch sử đã gọi thời kỳ phong kiến ở Tây Âu là "đêm trường Trung cổ". Do vậy, về phía các cơ quan công quyền, việc quy định và thực hiện các biện pháp trách nhiệm pháp lý bị can thiệp rất sâu, có khi đến mức mất cả sự độc lập cần thiết. Trong trường hợp các ông vua quá sùng đạo thì các ảnh hưởng của giáo hội còn lớn hơn rất nhiều. Khi đó, việc quy định và áp dụng các trách nhiệm pháp lý với chính đội ngũ quan lại có thể còn bị thao túng bởi các lực lượng này ở các nhà nước phong kiến phương Đông, ảnh hưởng của tôn giáo không trực tiếp như ở phương Tây nhưng cũng khá sâu sắc. Việc đặt ra hình phạt cho dân chúng hay quan lại cũng ít nhiều chịu sự ảnh hưởng của các tổ chức tôn giáo.

Ở các nhà nước tư sản, việc tham gia của các đảng phái chính trị vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc quy

TTBD ĐBDC

định và áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý nói chung và của đội ngũ công chức nói riêng. Không thể phủ nhận ảnh hưởng của các tổ chức này đến hoạt động xây dựng pháp luật vì các đảng phái có thể thắng cử trong các cuộc bầu cử được quyền ban hành ra pháp luật để truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với công chức, đồng thời cũng chịu áp lực của các đảng phái khác trong việc quy định và áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý. Có thể lấy ví dụ, bằng việc luận tội đối với tổng thống ở những nước có chính thể cộng hòa tổng thống được đặt ra cho nghị viện về ảnh hưởng này hay quyền miễn trừ truy tố cho tổng thống để tổng thống có thể tương đối độc lập khi thực hiện các chính sách của mình. Tuy nhiên, việc luận cho có tội hay không cũng như có chấp nhận việc miễn tố cho tổng thống hay không một phần lớn phụ thuộc vào phe (đảng) nắm đa số trong nghị viện có phải là phe của tổng thống hay không.

Ở Việt Nam, ảnh hưởng của các tổ chức lên việc quy định cũng như áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý đối với công chức cũng có những đặc thù nhất định. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, còn Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của nó là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân nên chắc chắn, tổ chức và hoạt động của các cơ quan cũng như các nhân viên công quyền phải chịu một sự ảnh hưởng rất lớn của các tổ chức này. Ngoài việc phục tùng các quy định của pháp luật, các công chức là đảng viên còn phải phục tùng điều lệ cũng như các nghị quyết của tổ chức đảng. Vì vậy, họ vẫn có thể chịu sự tác động của tổ chức này.

Có thể thấy công chức là người được nhân dân trao quyền để thực thi nhiệm vụ. Vì vậy, nhân dân có quyền đòi hỏi những "công bộc" của họ về trách nhiệm mà những người này phải thực hiện. Không những thế, nhân dân là người đóng thuế để nuôi sống bộ máy nhà nước, duy trì các hoạt động của bộ máy, trả lương cho công chức nhà nước. Do đó, nhân dân có quyền đòi hỏi sự phục vụ cũng như trách nhiệm của các cơ quan công quyền và các công chức phải thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ mà họ được giao.

Có hai khuynh hướng ảnh hưởng chính của nhân tố này là thái độ đòi hỏi và thái độ lên án: Ở khuynh hướng thứ nhất, tùy trình độ dân trí mà đòi hỏi của xã hội ở mỗi thời kỳ hay mỗi quốc gia có thể khác nhau. Trong xã hội phong kiến, sự đòi hỏi của xã hội đối với trách nhiệm pháp lý của các quan chức có nhiều hạn chế vì thời kỳ này, dân chúng có sự hạn chế hiểu biết về đời sống

TTBD DBDC

chính trị. Bản thân họ cũng có tâm lý tự ti, sợ sệt mà không dám bày tỏ thái độ của mình trước các nhà cầm quyền. Trong các xã hội hiện đại, đòi hỏi của dân chúng là rất cao về trách nhiệm của công chức và các cơ quan nhà nước. Đó là xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, người dân trong xã hội là "công dân", có quyền làm chủ chứ không phải là "thần dân" trong xã hội phong kiến chỉ biết chấp nhận và phục tùng quyền lực nhà nước mà không có điều kiện để bày tỏ nguyện vọng hay ý kiến của mình. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày nay, xã hội có rất nhiều điều kiện để tham gia vào các quá trình thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước. Trong xã hội này, quan hệ giữa Nhà nước với công dân là quan hệ bình đẳng, trong đó công dân là người trao quyền cho các cơ quan đại diện và cũng có nghĩa là cho toàn bộ các cơ quan cũng như công chức nhà nước và đóng thuế nuôi bộ máy nhà nước chứ không như xã hội phong kiến là quyền lực đó do nhà vua ban phát và các quan lại được hưởng bổng lộc của triều đình. Không những thế, hoạt động xây dựng pháp luật, trong đó có quy định trách nhiệm cho công chức và các cơ quan nhà nước được công dân giám sát, đồng thời, bày tỏ thái độ của mình trong các cuộc trưng cầu ý dân. Sự thể hiện thái độ lên án của xã hội đối với công chức cơ quan nhà nước sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc quy định và áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý. Có thể, cũng một hành vi vi phạm của công chức nhưng nếu nó xảy ra ở những địa phương khác nhau thì việc xác định trách nhiệm pháp lý có thể khác nhau do trình độ dân trí với ý thức pháp luật cao thấp khác nhau, trong đó ở đâu trình độ dân trí cao hơn thì việc áp dụng trách nhiệm pháp lý cũng thường chính xác hơn.

TTBD ĐBDC

Trong xã hội hiện đại, trách nhiệm pháp lý nói chung và trách nhiệm pháp lý của cơ quan và công chức nhà nước nói riêng đã có nhiều thay đổi so với trước đây. Điều có thể thấy ngay là không còn tồn tại các biện pháp nhục hình trong trách nhiệm pháp lý mà có khuynh hướng chuyển hẳn sang các biện pháp có tính chất hành chính, kinh tế hoặc những hình phạt hướng vào sự giáo dục và cải tạo con người. Ngay cả với những hình phạt cao nhất là tử hình nói chung thì ngày nay cũng có xu hướng giảm đi rõ rệt hoặc ở một số quốc gia đã loại bỏ ra khỏi hệ thống hình phạt. Nếu trước đây, quan lại hưởng bổng lộc của vua nên vừa phải thực hiện các công việc mà vua giao phó, vừa phải chịu các hình phạt mà vua xác định, thậm chí, tự quyết định ngay mà không cần có sự xét xử do nhà vua có quyền tuyệt đối, thì ngày nay, việc quy định chế độ trách nhiệm pháp

lý ra sao lại phụ thuộc vào cả xã hội do sự đóng góp kinh phí của toàn xã hội trong việc trả lương cho các công chức cũng như duy trì hoạt động của cả bộ máy nhà nước. Do đó, khuynh hướng sử dụng các biện pháp trừng phạt về kinh tế thường có hiệu quả hơn như phạt tiền, tịch thu tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ... đối với những công chức phạm tội về tham nhũng. Khuynh hướng này cũng được áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Trong xã hội hiện đại, xu thế hội nhập và toàn cầu hóa có ảnh hưởng không nhỏ đến việc quy định cũng như áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý. Việc công nhận các điều ước đa phương có sẵn hay tham gia thảo luận và ký kết các điều ước quốc tế khác chịu sự chi phối mang tầm quốc tế mà mỗi quốc gia ngày nay không thể tách rời xu hướng hội nhập quốc tế hay quá trình toàn cầu hóa đó. Nó đòi hỏi quá trình hội nhập này nhiều yêu cầu, trong đó có yêu cầu về sự minh bạch trong các hoạt động của bộ máy nhà nước, về chế độ trách nhiệm của đội ngũ công chức.

Cùng với những tác động trên, việc tham gia vào các quá trình toàn cầu hóa đã buộc các quốc gia phải thực hiện các điều ước quốc tế mà mình đã cam kết, trong đó có sự minh bạch hóa các hoạt động của các cơ quan công quyền và công chức nhà nước. Việc này ảnh hưởng rất lớn đến việc quy định cũng như áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý cho công chức. Kể từ khi bắt đầu quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã ký khá nhiều hiệp định song phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư với nước ngoài. Tại hầu hết các hiệp định đó đều có các điều khoản liên quan tới thủ tục giải quyết các tranh chấp có liên quan tới đầu tư, kể cả tranh chấp giữa nhà đầu tư là công dân một nước ký kết với nước ký kết kia. Điều đó khẳng định rằng, khi đã tham gia điều ước quốc tế và chứng tỏ mình là thành viên của quá trình hội nhập quốc tế thì không thể tùy tiện vì đó là uy tín của quốc gia và cũng là nhiệm vụ chính trị của một nhà nước hiện đại.

Ngoài ra, ở những thời điểm nhất định của mỗi quốc gia, có những nhiệm vụ chính trị mà Nhà nước buộc phải có những thay đổi những chính sách của mình. Gần đây, đứng trước yêu cầu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân việc cần làm trong sạch đội ngũ công chức đã đặt ra nhiệm vụ chống tham nhũng như một biện pháp vừa cấp thiết, vừa lâu dài. Mặc dù đã có những quy định của Bộ luật hình sự hiện

TTBD DBDC

hành về các tội phạm về chức vụ, nhưng Nhà nước ta vẫn tiếp tục cho ra đời Luật phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung các năm 2007 và 2012 để khẳng định quyết tâm trong việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này và cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đặc biệt này.

Việc quy định và áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý đối với cơ quan và công chức nhà nước khá phức tạp và chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố với những mức độ ảnh hưởng khác nhau một cách tương đối độc lập hoặc có quan hệ với nhau trong việc tác động lên các quá trình trên.

TTBD ĐBDC